

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62 /2021/DS-PT
Ngày 29 – 3 – 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Võ Minh H1, sinh năm 1970 (Có mặt);

2. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1959 (Có mặt);

2. Bà Đặng Thị Bé N1, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

2. Bà Trần Kim L2, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Trúc H5, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

4. Chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

5. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ngọc H3 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C ..

6. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H2 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C.

7. Ngân hàng N2 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, Hà N .

8. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc H4 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Minh H1, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Ngô Thị T1 và ông Võ Minh H1 trình bày:*

Vào năm 1995, cụ Ngô Văn Hai có chuyển nhượng thành quả lao động phần đất nuôi trồng thủy sản từ ông Nguyễn Văn Quận, cụ Hai để lại cho con là bà Ngô Thị T1 và ông Võ Minh H1 với diện tích là 04 ha, tọa lạc tại ấp Ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau. Đất được Lâm ngư trường 13/12 trước đây nay là Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp H2 giao khoán, Sổ hợp đồng năm 1994 nhưng đến năm 2001 mới đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ngọc H3. Việc xác lập hợp đồng vào năm 1994 nhưng đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2001. Trong phần đất giao khoán nói trên có phần đất biên, hướng sông Ông Định diện tích theo đo đạc thực tế là 5.111,7 m² được Ủy ban nhân dân xã T và Công ty Lâm nghiệp chấp nhận. Từ khi chuyển nhượng thành quả lao động phần đất nói trên gia đình ông bà có cho 07 hộ dân tiếp tục sống trên phần đất biên. Đến năm 2005, Nhà nước có chủ trương làm lộ giao thông nông thôn, ông bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc S và bà Đặng Thị Bé N1 thuê 1.000 m² đất trong phần đất biên, khi thuê không có xác định thời hạn. Đến tháng 01/2015 thì ông S yêu cầu đến Công ty Lâm nghiệp buộc ông bà phải trả toàn bộ phần đất biên. Vị trí phần đất: Phía Đông giáp thửa 23 (tên Đào Thị Đề); Phía Tây giáp sông Ông Định; Phía Nam giáp Rạch Đường Kéo; Phía Bắc giáp vuông ông S đang canh tác, sử dụng.

Trên phần đất tranh chấp ông bà có cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Kim L2 cất nhà ở, ông bà không có ý kiến gì đối với ông L1, bà L2. Đối với phần đất nước của Ủy ban nhân dân xã T trên phần đất tranh chấp, khi xây dựng được sự thống nhất của ông H1. Ông bà chấp nhận trừ diện tích phần đất nước của Ủy ban nhân dân xã T là 494,1m². Nay ông bà yêu cầu ông S, bà N1 trả phần đất biên còn lại là 4.617,6m² tọa lạc tại ấp Ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiền.

Ngoài ra, ông H1 và bà T1 còn yêu cầu ông S và bà N1 trả cho ông bà số tiền thuê đất từ năm 2005 đến nay là 14.000.000 đồng.

- *Theo ông Nguyễn Ngọc S trình bày:*

Vào năm 1994, vợ chồng ông có chuyển nhượng lại phần đất của ông Đào Văn Săng, hiện không biết ông Săng đang ở đâu, phần đất sang nhượng có diện tích là 2,3ha tọa lạc tại ấp Ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 01/01/1995, vợ chồng ông được Lâm Trường 13/12 nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H2 cấp sổ hợp đồng giao khoán do ông S đứng tên. Năm 2005, vợ ông là bà Đặng Thị Bé N1 có thuê của ông H1 1.000m², thuê không làm hợp đồng, lúc vợ ông thuê đất thì không biết phần đất thuê đó là thuộc quản lý của gia đình ông, do lúc đó ông đi làm ăn xa. Sau khi xem lại sổ giao khoán ông biết phần đất thuê là thuộc phần đất của gia đình ông nên không trả tiền thuê đất nữa. Việc ông L1 cất nhà trên phần đất tranh chấp là do ông H1 cho cất, ông không đồng ý, ông yêu cầu ông L1 có trách nhiệm tháo dỡ nhà để trả lại đất lấn chiếm cho ông, chi phí ông L1 xây cất nhà ông L1 tự chịu trách nhiệm, ông không đồng ý bồi thường cho ông L1. Đối với, phần đai nước khi xây dựng có hỏi ý kiến của ông và ông H1 nên ông thống nhất dành một phần đất hợp lý để phục vụ công trình công cộng. Ngoài ra, trên phần đất biên còn có 07 hộ dân khác sinh sống nhưng do các hộ dân này không nằm trên phần đất tranh chấp, ông không có yêu cầu gì đối với các hộ dân này. Ông thống nhất với kết quả đo đạc diện tích là 5.111,7m², ông thống nhất trừ lại diện tích xây dựng đai nước là 494,1m², phần đất biên do gia đình ông quản lý từ năm 1994 cho đến nay, nhưng do đất biên nên không có canh tác trên đất. Nay ông H1, bà T1 yêu cầu trả lại toàn bộ phần đất biên diện tích 4.617,6m² tọa lạc tại ấp Ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau và trả tiền thuê ông không đồng ý.

- Theo bà Đặng Thị Bé N1 trình bày:

Bà N1 thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Ngọc S về nguồn gốc đất. Đối với yêu cầu trả tiền thuê đất của ông H1: Bà xác định là người trực tiếp hỏi thuê đất với ông H1, không làm hợp đồng thuê đất, việc bà hỏi thuê đất là do ông S không có nhà và bà không biết đó là phần đất của gia đình bà đã được cấp sổ giao khoán. Bà N1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà T1.

- Theo bà Trần Kim L2, ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào năm 1989, ông bà có nhận chuyển nhượng một phần đất ngang 8m, chiều dài từ mé sông lên 25m. Đến năm 2013 - 2014, thì ông H1 có làm giấy cho đất với diện tích ngang 8m, dài từ mé lộ đất lên trên 50m, sau khi ông H1 cho đất thì ông bà cất nhà trên phần đất được cho. Khi ông bà cất nhà thì xảy ra tranh chấp với ông S vì ông S cho rằng phần đất này là của ông S nhưng ông bà xác định phần đất này là của ông H1. Trên phần đất tranh chấp ông bà có cất căn nhà, nếu Tòa án giải quyết phần đất thuộc về của ông S thì vợ chồng ông bà tự tháo dỡ, di dời không đặt ra yêu cầu gì.

- Theo Ủy ban nhân dân xã T, huyện H3 trình bày:

Ủy ban nhân dân xã T, huyện H3 xác định phần đất đang tranh chấp giữa ông H1, bà T1 với ông S, bà N1 thuộc quyền quản lý của Lâm ngư trường 13/12 nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H2 giao khoán cho người dân, Ủy ban chỉ ký xác nhận có việc giao khoán giữa bên giao khoán với bên nhận giao khoán.

Còn việc ông H1 hay ông S được giao khoán trước và có việc chồng chéo hay không thì Ủy ban không nắm. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp trước đây Ủy ban có xây dựng một đài nước theo chương trình nước sạch nông thôn nhưng hiện nay đài nước đã sập. Quan điểm của Ủy ban là được trưng dụng phần đất xây dựng đài nước theo sự đồng ý của các đương sự. Các vấn đề khác Ủy ban vẫn giữ quan điểm như đã trình bày trước đây không có ý kiến bổ sung.

- Theo Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H2 trình bày:

Ngày 01/01/1994, Lâm ngư trường 13/12 có xác lập hợp đồng với hộ bà T1 tại thửa 38b, khoản 33, tiểu khu 169 với diện tích 3ha và hộ ông S tại thửa 38, khoản 49, tiểu khu 169 với diện tích 2,3ha. Ông S xác lập hợp đồng tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 1995 và bà T1 xác lập hợp đồng tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2001. Phần đất tranh chấp trên hợp đồng thể hiện thì vị trí thửa đất giao khoán có sự trùng với nhau. Khi xảy ra tranh chấp Công ty có kết hợp với Ủy ban nhân dân xã T hòa giải nhưng không thành. Công ty xác định phần đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý của hộ ông S. Còn trước khi ông H1 và ông S xảy ra tranh chấp thì Công ty không nắm ai là người trực tiếp quản lý phần đất tranh chấp. Công ty đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ngân hàng N2 trình bày:

Các đương sự có vay vốn tại Ngân hàng. Tuy nhiên, hợp đồng vay vốn chưa đến hạn thanh toán nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

- Ý kiến của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2016/DS-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Minh H1 và bà Ngô Thị T1 đối với ông Nguyễn Ngọc S và bà Đặng Thị Bé N1 về việc đòi lại phần đất diện tích 5.111,7m² tọa lạc tại ấp Ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tại bản án dân sự phúc thẩm: 46/2017/DS-PT ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 141/2019/DS-GĐT ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử: Hủy bản án dân sự phúc thẩm: 46/2017/DS-PT ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2016/DS-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Minh H1 và bà Ngô Thị T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc S và bà Đặng Thị Bé N1 trả phần đất biên diện tích là 4.617,6m² tọa lạc tại ấp Ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau và yêu cầu trả tiền thuê đất số tiền 14.000.000 đồng.

Buộc ông Võ Minh H1 và bà Ngô Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc S và bà Đặng Thị Bé N1 số tiền chi phí đo đạc mà ông S, bà N1 đã nộp là 2.169.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2020, ông Võ Minh H1 có đơn kháng cáo: Không đồng ý trả diện tích đất 4.617,6m² tọa lạc tại ấp Ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau cho ông S và bà N1; yêu cầu ông S và bà N1 trả tiền thuê đất 14.000.000 đồng; không đồng ý trả số tiền chi phí đo đạc 2.169.000 đồng cho ông S và bà N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Minh H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông H1 không có ý kiến tranh luận.

Ông S phát biểu tranh luận: Phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất ông được giao khoán, thuộc quyền quản lý sử dụng của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Võ Minh H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích 5.111,7m² gồm 03 thửa: Thửa số 6 diện tích 494,1m²; thửa số 7 diện tích 1.603,1m² và thửa số 9 diện tích 3.014,5m², đất tọa lạc tại ấp ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Trong đó, tại thửa số 6 diện tích 494,1m² có đài nước của Ủy ban nhân dân xã T, các bên đương sự xác định vẫn để cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý sử dụng, không tranh chấp; phần còn lại các bên tranh chấp thửa số 7 và thửa số 9 có tổng diện tích là 4.617,6m². Ông H1, bà T1 cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của ông H1, bà T1 nên yêu cầu ông S, bà N1 trả lại. Ông S, bà N1 cũng cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của ông S và bà N1 nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông H1, bà T1.

[2] Xét về nguồn gốc đất các bên đương sự đang sử dụng:

[2.1] Phần đất ông H1 và bà T1 sử dụng có nguồn gốc trước đó là của ông Tạ Văn Sơn; đến năm 1993 ông Sơn chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Quận; đến năm 1995, ông Quận chuyển nhượng lại cho ông Ngô Văn Hai; sau đó ông Hai giao lại cho con là bà Ngô Thị T1 và ông Võ Minh H1 quản lý sử dụng.

[2.2] Phần đất ông S và bà N1 sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của ông Đào Văn Săng vào năm 1994.

[2.3] Cả hai phần đất nêu trên đều thuộc quyền quản lý của Lâm ngư trường 13/12 nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H2. Đến ngày 01/01/1994, Lâm ngư trường 13/12 lập Sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho bà T1 và ông S đứng tên. Bà T1 được giao khoán diện tích 3,0ha thuộc thửa số 38b, khoảnh 33, tiểu khu 169; hợp đồng giao khoán được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 01/3/2001. Ông S được giao khoán diện tích 2,3ha thuộc thửa số 38, khoảnh 49, tiểu khu 169; hợp đồng giao khoán được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 01/01/1995.

[3] Theo sơ đồ thửa đất tại Sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho bà T1 và Sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho ông S thể hiện phần đất tranh chấp được Lâm trường 13/12 giao trùng cho bà T1 và ông S vào năm 1994.

[4] Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/3/2017, đại diện Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H2 xác định: Căn cứ vào hợp đồng giao khoán thì hợp đồng giao khoán do bà T1 đứng tên được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 01/3/2001; hợp đồng giao khoán của ông S được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 01/01/1995. Từ cơ sở này, Công ty xác định phần đất tranh chấp là của ông S, do ông S đăng ký trước; đối với hợp đồng giao khoán của bà T1 được lập sau, đã được giao nhầm lẫn và chồng lên phần đất đã được giao cho ông S.

[5] Quá trình giải quyết tranh chấp, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H2 và Ủy ban nhân dân xã T vẫn xác định phần đất tranh chấp trên hợp đồng thể hiện thì vị trí thửa đất giao khoán có sự trùng với nhau, phần đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý của hộ ông S.

[6] Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ông Tạ Văn Sơn ngày 04/5/2020, ông Sơn trình bày: Vào khoảng năm 1993 ông có chuyển nhượng cho ông Quận diện tích đất khoảng 3,4 ha tại xã Tân Ân (nay là xã Tân Ân Tây); trước đây sang nhượng đất cho ông Quận, ông không có sang nhượng đất thổ cư ở mé sông, sau này ông Quận sang nhượng cho ông H1 như thế nào thì ông không biết. Còn ranh giới đất của ông đã bán cho ông Quận với ranh giới đất của ông S là rõ ràng, không có việc lấn chiếm của nhau.

[7] Theo Sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp ngày 01/01/1994 thì Lâm ngư trường 13/12 chỉ giao khoán cho bà T1 diện tích đất 3,0ha; bà T1 cũng không có yêu cầu, khiếu nại gì về diện tích đất giao khoán. Nhưng thực tế hiện nay bà T1 và ông H1 đang quản lý sử dụng phần đất diện tích theo đo đạc là 57.243,2m², vượt hơn diện tích giao khoán. Riêng phần diện tích đất tranh chấp, từ trước đến nay bà T1 và ông H1 cũng không trực tiếp quản lý sử dụng.

[8] Như vậy, có cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp diện tích 4.617,6m² nêu trên không thuộc quyền quản lý sử dụng của ông H1 và bà T1. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H1 và bà T1 đòi ông S và bà N1 trả lại là có căn cứ.

[9] Đối với yêu cầu của ông H1 và bà T1 yêu cầu ông S và bà N1 trả tiền thuê đất, thấy rằng: Phần đất diện 1.000m² mà bà N1 hỏi thuê của ông H1 và bà T1 nằm trong phần đất tranh chấp. Do yêu cầu đòi lại đất của ông H1 và bà T1 không

được chấp nhận, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H1 và bà T1 đòi ông S và bà N1 trả tiền thuê đất số tiền 14.000.000 đồng là phù hợp.

[10] Về chi phí đo đạc: Do yêu cầu của ông H1 và bà T1 không được chấp nhận nên chi phí đo đạc số tiền là 2.169.000 đồng ông H1 và bà T1 phải chịu. Tuy nhiên, số tiền nêu trên ông S và bà N1 đã thi hành án để trả cho ông H1 và bà T1 xong; do đó, án sơ thẩm buộc ông H1 và bà T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông S và bà N1 số tiền chi phí đo đạc 2.169.000 đồng là có cơ sở.

[11] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa là phù hợp.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm ông H1 phải chịu theo quy định.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Minh H1 và bà Ngô Thị T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc S và bà Đặng Thị Bé N1 trả phần đất biên diện tích là 4.617,6m² tọa lạc tại ấp Ông Định, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau và yêu cầu trả tiền thuê đất số tiền 14.000.000 đồng.

Buộc ông Võ Minh H1 và bà Ngô Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc S và bà Đặng Thị Bé N1 số tiền chi phí đo đạc mà ông S, bà N1 đã nộp là 2.169.000 đồng.

Kể từ ngày ông S và bà N1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông H1 và bà T1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh H1 và bà Ngô Thị T1 phải chịu án phí không giá ngạch 300.000 đồng và án phí có giá ngạch 700.000 đồng. Ngày 29/10/2020, ông H1 và bà T1 đã dự nộp 350.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005951 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc H4, đối trừ ông H1 và bà T1 còn phải nộp tiếp 650.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc S và bà Đặng Thị Bé N1 không phải chịu án phí. Ông S và bà N1 đã nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.500.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0013596, 0013865, 0013870, 0013552, 0013855, 0013851, 0013566, 0013284 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Võ Minh H1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 10/12/2020 ông H1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006437 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập